

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến- Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2023/TLST-HS, ngày 07 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Lữ Thị M, sinh năm 1967; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lữ Triều M1, sinh năm 1948 (còn sống); Con bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1948 (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; Con: có 02 người (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999); Anh chị em ruột có 09 người (lớn nhất không xác định được năm sinh, nhỏ nhất sinh năm 1985); Tiền án, tiền sự: Không; Bị khởi tố ngày 06/02/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3/ Bà Đoàn Mỹ X, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1966; Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng năm 2012, Lữ Thị M bắt đầu tổ chức làm chủ hội để hưởng tiền hoa hồng 50% trên mỗi kỳ khai hội và đã kết thúc nhiều dây hội. Đến năm 2020, M cần tiền để trả nợ tiền vay, tiền để choàng hội, tiền để đóng hội chết và chi xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách mở và làm chủ các dây hội tháng, vận động hội viên để tham gia từng dây hội có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/chân rồi thực hiện hành vi gian dối, lợi dụng hội viên không đi bỏ thăm khai hội, tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên. Khi chiếm đoạt được tiền của hội viên. M dùng nguồn tiền này vào việc trả nợ, trả lãi tiền vay, choàng hội và chi xài cá nhân.

Đến tháng 24/5/2021 (ngày 13/4/2021â), M tuyên bố đình hội, thời điểm nay M còn làm chủ 08 dây hội chưa mãn. Hội viên phát hiện M có hành vi gian dối trong việc lấy hội sống của hội viên để bỏ thăm hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên nên gửi đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Trong 08 dây hội chưa mãn. Trong đó có 02 dây hội M tự ý lấy 02 chân hội sống của hội viên Lê Thị T để bỏ thăm hốt hội chiếm đoạt số tiền 150.920.000 đồng, cụ thể:

Dây thứ 1: Mở ngày 24/5/2019 (20/4/2019â), loại hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, khai vào ngày 20 hàng tháng, hội có 26 chân, có 26 hội viên tham gia, đã khai và gom tiền hội được 25 kỳ thì đình hội (còn 01 kỳ chưa khai), hốt thật 24 kỳ, có 01 kỳ chủ hội tự ý hốt của hội viên. Trong dây hội này M tham gia 01 chân lấy tên hội là H (đã hốt kỳ thứ 11). M tự ý lấy 01 chân hội sống của Lê Thị T (tên hội viên là T) để bỏ thăm hốt hội tại kỳ thứ 12, ngày 20/3/2020â, (ngày 12/4/2020dl), số tiền bỏ thăm 1.900.000 đồng, số tiền thực đóng 3.100.000 đồng, chiếm đoạt **96.500.000** đồng.

Còn 02 hội viên tham gia 02 chân đã đóng 25 kỳ nhưng chưa được hốt hội, số tiền thực đóng 84.670.000 đồng nếu tính hội chết 125.000.000 đồng (Lãi hội 40.330.000 đồng) gồm: Lê Thị T và Nguyễn Thị T1. Mỗi người 01 chân.

Còn 05 hội viên nợ tiền hội chết gồm: Nguyễn Hồng N1 5 triệu đồng, Trần Thị Đ 38 triệu đồng, Trần Thị H1 10 triệu đồng, Lê Thị T2 60 triệu đồng và Trần Thùy M2 35 triệu đồng.

Dây thứ 2: Mở ngày 30/7/2019 âl (dây 2). Do tháng 7/2019 không có ngày 30 nên khai ngày 01/8/2019âl (30/8/2019), loại hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, khai vào ngày 30 hàng tháng, hội có 24 chân, có 21 hội viên tham gia, đã khai và gom tiền hội được 22 kỳ thì đình hội (còn 02 kỳ chưa khai), hốt thật 21 kỳ, có 01 kỳ hội không (tự ý hốt). Trong dây hội này M tham gia 01 chân lấy tên hội là H (đã hốt kỳ thứ 6). Mận tự ý lấy 01 chân hội sống của Lê Thị T (tên hội viên là T) để bỏ thăm hốt hội tại kỳ thứ 7, ngày 01/02/2020âl (ngày 23/02/2020dl), số tiền bỏ thăm 810.000 đồng, số tiền thực đóng 2.190.000 đồng, chiếm đoạt **54.420.000** đồng.

Còn 03 hội viên tham gia 03 chân đã đóng 22 kỳ nhưng chưa được hốt hội, số tiền thực đóng 49.510.000 đồng nếu tính hội chết 66.000.000 đồng (Lãi hội 16.490.000 đồng) gồm: Lê Thị T, Nguyễn Thị T1 và Đoàn Mỹ X. Mỗi người 01 chân. Sau khi đình hội M đã trả dần cho X tổng số tiền 47.500.000 đồng, hiện còn nợ X 18.500.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị N đóng 21 kỳ, tổng số tiền 63 triệu đồng (thực đóng 47.170.000 đồng, lãi 15.830.000 đồng), bà N đã bỏ thăm hốt hội tại kỳ 22 (ngày 30/3/2021 âl) ngày 11/5/2021, đến ngày 10/4/2021âl, mới đến ngày gom tiền hội, M đi gom tiền hội nhưng chỉ có 03 hội viên đóng tiền hội nên M không đủ tiền chung hội cho N. Ngày 13/4/2021âl, M tuyên bố đình hội. Mận không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền hội của bà N.

Còn 07 hội viên nợ tiền hội chết gồm: Trần Thị Đ 60 triệu đồng, Trần Thị H1 12 triệu đồng, Võ Thị T3 6 triệu đồng, Huỳnh Thị C 12 triệu đồng, Tiêu Kiều Diễm 12 triệu đồng, Phạm Thị Cẩm D 12 triệu đồng và Ngô Văn P 6 triệu đồng.

Các dây hội còn lại: **Dây thứ 3:** Mở ngày 30/7/2019âl (dây 1), loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 24 chân, có 20 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 22 kỳ thì đình hội. Mận tham gia 01 chân và đã hốt vào kỳ thứ 10. **Dây thứ 4:** Mở ngày 03/02/2020 (ngày 10/01/2020âl), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 26 chân, có 23 hội viên tham gia, đã khai hội được 17 kỳ thì đình hội (gom hội được 16k), còn 09 kỳ chưa khai. Mận tham gia 02 chân và đã hốt vào kỳ thứ 03 và 12. **Dây thứ 5:** Mở ngày 07/5/2020 (ngày 15/4/2020âl), loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 28 chân, có 26 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 13 kỳ thì đình hội, còn 15 kỳ chưa khai. Mận tham gia 01 chân và đã hốt vào kỳ thứ 11. **Dây thứ 6:** Mở ngày 22/9/2020 (ngày 06/8/2020âl), loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 28 chân, có 27 hội viên tham gia, đã khai hội được 09 kỳ thì đình hội (gom hội được 8 kỳ), M tham gia 01 chân và đã hốt vào kỳ thứ 07. **Dây thứ 7:** Mở ngày 09/3/2021 (ngày 26/01/2021âl), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 29 chân, có 24 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 03 kỳ thì đình hội (còn 26 kỳ chưa khai), Mận tham gia 01 chân chưa hốt. **Dây thứ 8:** Mở ngày 03/5/2021 (ngày 22/3/2021âl), loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 21 chân, có 20 hội viên tham gia, đã khai hội và gom hội được 01 kỳ thì đình hội, M tham gia 02 chân chưa hốt. Bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên tham gia trong dây hội.

Tổng số tiền M chiếm đoạt là 150.920.000 đồng. Mận sử dụng số tiền này đóng lại tiền chênh lệch hội chết, trả lãi tiền vay và chi xài cá nhân. Mận che giấu việc hốt hội của các hội viên để không bị hội viên phát hiện.

Vật chứng, đồ vật do M giao nộp: 08 danh sách hội viên có chữ ký của Mận: Dây 5 triệu đồng đề ngày 20/4 khai ngày 30/4 gôm/2019âl (thứ tự từ 01 đến 26); Dây 3 triệu đồng (dây 1) đề ngày 30/7 khai ngày 10/8 gôm/2019âl (thứ tự từ 01 đến 25); Dây 3 triệu đồng (dây 2) đề ngày 30/7 khai ngày 10/8 gôm/2019âl (thứ tự từ 01 đến 24); Dây 5 triệu đồng đề ngày 10/1 khai ngày 20/1 gôm/2020âl (thứ tự từ 01 đến 26); Dây 3 triệu đồng đề ngày 15/4 khai ngày 25/4 gôm/2020âl (thứ tự từ 01 đến 28); Dây 2 triệu đồng đề ngày 6/8 khai ngày 16/8 gôm/2020âl (thứ tự từ 01 đến 28); Dây 5 triệu đồng đề ngày 26/1 khai ngày 6/2 gôm/2021âl (thứ tự từ 01 đến 29); Dây 3 triệu đồng đề ngày 22/3 khai ngày 22/4 gôm/2021âl (thứ tự từ 01 đến 21); 01 cuốn tập bìa cứng, màu đen, mặt ngoài có chữ của M theo dõi khi làm chủ hội được đánh số từ 01 đến 27 (có chữ ký của Mận); Tiền Việt Nam 40 triệu đồng.

*/ Tại cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 02/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Lữ Thị M về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan sai; các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai; không ai ép cung, mớm cung gì đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý hoàn trả lại số tiền thực đóng cho các bị hại.

Tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà các bị hại đã đóng cho bị cáo; về hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà N đồng ý tách ra để yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo là giữ nguyên Cáo trạng số: 57/CT-VKS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T4 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Thị M từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 127, 131, 179, 580 của Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền hội thực đóng (không tính lãi hội); về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ 08 danh sách hội viên và 01 cuốn tập bìa cứng, màu đen, mặt ngoài có chữ của M theo dõi khi làm chủ hội được đánh số từ 01 đến 27. Tiếp tục giao cơ quan thi hành án tạm giữ số tiền 40 triệu đồng.

Bị cáo, cũng như các bị hại không tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, để đi làm có tiền trả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa và thảo luận nghị án của HĐXX cho thấy đã có đủ cơ sở để kết luận diễn biến nội dung vụ án như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời mô tả và truy tố. Bị cáo Lữ Thị M đã thừa nhận có hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại bằng cách lợi dụng việc làm chủ hội có một số hội viên lĩnh hội nhưng không đóng hội chết, để giữ uy tín cá nhân sợ bị vỡ hội nên bị cáo lấy tiền cá nhân để choàng hội. Do không đủ khả năng về tài chính, năm 2021 bị cáo nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền hội của các hội viên trong các dây hội nhằm mục đích có tiền choàng hội để tiếp tục làm chủ hội; đồng thời để có tiền trả nợ vay và chi tiêu. Thủ đoạn bằng cách lợi dụng có hội viên chưa cần thiết hốt hội và không trực tiếp tham gia giám sát các lần khai hội, bị cáo nói dối với các hội viên là có hội viên hốt hội nhưng thực tế hội viên đó không hốt hội mà bị cáo là người hốt hội. Những hội viên trong dây hội tin lời của bị cáo nên giao tiền cho bị cáo để giao cho người hốt hội nhưng thực chất bị cáo chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến ngày 13/4/2021 (ngày 24/5/2021). Do không còn khả năng tài chính để tiếp tục duy trì các dây hội nên vỡ hội và bỏ trốn. Tại thời điểm vỡ hội có 08 dây hội. Bằng thủ đoạn gian dối này bị cáo hốt 02 chân hội ở 02 dây hội, chiếm đoạt số tiền là 150.920.000 đồng. Cụ thể:

Dây thứ 01: Mở ngày 24/5/2019 (20/4/2019), loại hội 5.000.000 đồng/tháng, có 26 chân, dây hội này bị cáo tự ý lấy tiền của hội viên hốt 01 chân chiếm đoạt số tiền 96.500.000 đồng.

Dây thứ 02: Mở ngày 30/7/2019 (dây 2), loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 24 chân, dây hội này bị cáo tự ý lấy tiền của hội viên hốt 01 chân, chiếm đoạt số tiền 54.420.000 đồng.

Như vậy đã có đầy đủ cơ sở quy kết bị cáo Lữ Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Thị M là nghiêm trọng. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội là do từ việc có hội viên hốt hội nhưng vi phạm nghĩa vụ đóng hội chết, để có tiền choàng hội nhằm giữ uy tín cá nhân và có tiền trả nợ vay và chi tiêu nên bị cáo lừa dối các hội viên để chiếm đoạt tiền. Đồng thời, còn có sự quá tin tưởng của các hội viên đối với bị cáo trong việc tham gia chơi hội nên bị cáo có cơ hội phạm tội với số tiền lớn và thời gian dài đến khi vỡ hội các hội viên mới phát hiện mình bị lừa dối. Bị cáo biết rõ khi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền choàng hội, trả nợ tiền vay và chi xài cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất tình hình an ninh trật tự xã hội nói chung, tình hình trị an ở địa phương nói riêng.

Trong thời điểm hiện nay tình trạng lừa đảo chiếm đoạt tiền hội xảy ra đang là vấn đề bức xúc của dư luận xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong một thời gian dài bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối nhiều lần hội trong 02 dây hội nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, trong quá trình điều tra bị cáo có nộp khắc phục một phần hậu quả cho phía bị hại, số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra, gia đình của bị cáo có bà nội là bà Lê Thị T5 được truy tặng danh hiệu công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, có bác hai là ông Lữ Triều B và cô ba là bà Lữ Triều A là liệt sĩ nên xem đây là tình tiết làm căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T4 về hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt.

[5] Xử lý vật chứng: Bị cáo có giao nộp 08 danh sách hội viên và 01 cuốn tập bìa cứng, màu đen, mặt ngoài có chữ của M theo dõi khi làm chủ hội được đánh số từ 01 đến 27. Xét thấy đây là tài liệu để giám định được đính trong hồ sơ vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo nộp khắc

phục hậu quả hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý. Giao cho chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời thực hiện chi trả cho các bị hại.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 150.920.000 đồng, đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt. Còn số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là số tiền thực tế các bị hại đã giao tiền hội sống cho bị cáo chứ không phải số tiền tính theo hội chết. Bởi vì, hành vi bị cáo nhận số tiền đóng hội sống của các bị hại là hành vi vi phạm pháp luật và hành vi này bị xử lý về hình sự. Việc bị cáo nhận tiền của các bị hại từ các lần hốt hội không phải là giao dịch dân sự, hành vi nhận tiền này của bị cáo là không hợp pháp. Do đó, bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã nhận từ hành vi vi phạm pháp luật nên số tiền hoàn trả không tính theo hội chết (có lỗi)

[6.1] Những hội viên bị cáo nợ trong 02 dây hội bị cáo chiếm đoạt gồm: Lê Thị T, số tiền thực đóng 134.180.000 đồng (dây số 1 và số 2); Nguyễn Thị T1, số tiền thực đóng 134.180.000 đồng (dây số 1 và số 2); Đoàn Mỹ X, số tiền thực đóng 2.010.000 đồng (dây hội số 2). Tổng số tiền 270.370.000 đồng.

[6.2] Những hội viên nợ bị cáo trong 2 dây hội bị cáo chiếm đoạt, khi đối trừ tại dây hội ngày 20/4/2019, còn 05 hội viên gồm: Nguyễn Hồng N1 5 triệu đồng, Trần Thị Đ 38 triệu đồng, Trần Thị H1 10 triệu đồng, Lê Thị T2 60 triệu đồng và Trần Thùy M2 35 triệu đồng; Dây hội ngày 30/7/2019 (dây 2) Còn 07 hội viên nợ tiền hội chết gồm: Trần Thị Đ 60 triệu đồng, Trần Thị H1 12 triệu đồng, Võ Thị T3 6 triệu đồng, Huỳnh Thị C 12 triệu đồng, Tiêu Kiều Diễm 12 triệu đồng, Phạm Thị Cẩm D 12 triệu đồng và Ngô Văn P 6 triệu đồng là giao dịch dân sự các bên tự thỏa thuận nếu sau này có tranh chấp trong việc trả nợ thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[6.3] Đối với bà Nguyễn Thị N tham gia 01 chân, dây số 2 mở ngày 30/7/2019 (đóng 21 kỳ, tổng số tiền 63 triệu đồng (thực đóng 47.170.000 đồng, lãi 15.830.000 đồng), bà N đã bỏ thăm hốt hội tại kỳ 22 (ngày 30/3/2021) ngày 11/5/2021, đến ngày 10/4/2021, mới đến ngày gom tiền hội, M đi gom tiền hội nhưng chỉ có 03 hội viên đóng tiền hội nên M không đủ tiền chung hội cho N. Ngày 13/4/2021, M tuyên bố đình hội. M không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền hội của bà N. Bà N2 có quyền khởi kiện đòi lại số tiền trên theo luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với Nguyễn Văn H là chồng của bị cáo, chứng cứ có tại hồ sơ không đủ cơ sở để xác định ông H có đồng phạm cùng với bị cáo cùng thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa các bị hại chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên không buộc ông H phải có nghĩa vụ trả.

[8] Đối với các dây hội bị cáo không chiếm đoạt: Dây số 3: Mở ngày 30/7/2019 (dây 1), dây thứ 4: Mở ngày 03/02/2020 (ngày 10/01/2020), Dây thứ 5: Mở ngày 07/5/2020 (ngày 15/4/2020), Dây thứ 6: Mở ngày 22/9/2020 (ngày 06/8/2020),

Dây thứ 7: Mở ngày 09/3/2021 (ngày 26/01/2021^{âl}), Dây thứ 8: Mở ngày 03/5/2021 (ngày 22/3/2021^{âl}). Các dây hui này bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hui viên trong dây hui. Do đây là quan hệ dân sự giữa bị cáo với các hui viên nên sẽ không được giải quyết trong vụ án này mà tách riêng ra để các đương sự khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác nếu chủ hui và hui viên có tranh chấp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về án phía dân sự sơ thẩm: Bị cáo là người có nghĩa vụ trả cho các bị hại nên bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền buộc trả cho các bị hại. Tổng số tiền bị cáo phải tiếp tục hoàn trả cho các bị hại trong vụ án này là 270.370.000 đồng, trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo nộp trước khi mở phiên tòa nên án phí dân sự có giá ngạch phải chịu là $230.370.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.518.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của bộ luật hình sự;

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Lữ Thị M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lữ Thị M **01** (Một) năm **06** (S) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 127, 131, 579, 580 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 củ Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lữ Thị M có nghĩa vụ trả cho các bị hại, cụ thể:

Bà Lê Thị T, số tiền 134.180.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1, số tiền 134.180.000 đồng và chị Đoàn Mỹ X, số tiền 2.010.000 đồng. Tổng cộng 270.370.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 08 danh sách hui viên và 01 cuốn tập bìa cứng, màu đen, mặt ngoài có chữ của M theo dõi khi làm chủ hui được đánh số từ 01 đến 27.

Tiếp tục giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trần Văn T4 tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng để giao lại cho các bị hại. Khi án có hiệu lực.

(Số tiền trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý theo giấy nộp tiền ngày 06/6/2023, bl số 458).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lữ Thị M phải nộp số tiền 200.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo Lữ Thị M phải chịu 11.518.500 đồng (*Mười một triệu năm trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*).

4. Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CAND huyện Trần Văn Thời ;
- THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công